TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **236**/2024/HS-PT
Ngày: 29/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Chí Công**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Cường** và ông **Đinh Phước Hòa**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đinh Thị Thanh Yên** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Chiến** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 641/2023/TLPT-HS ngày 28 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị Phương T và đồng phạm bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử về tội "Tham ô tài sản". Do có kháng cáo của các bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2023.

- *Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:*

1. Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 20/10/1994, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: nguyên Kế toán Công ty TNHH T12; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không rõ) và bà Nguyễn Thị X; có chồng là Lê Anh T1 (đã ly hôn tháng 01/2024) và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt tại điểm cầu thành phần.

2. Nguyễn Thị Chi L, sinh ngày 06/12/1994, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: nguyên Kế toán Công ty TNHH T12; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Trương Thị H; có chồng là Phạm Anh T2 và 02 con (01 con mới sinh đầu tháng 5/2024); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt tại điểm cầu thành phần.

- *Bị cáo bị kháng cáo:*

3. Phạm Thị Mỹ H1, sinh ngày 05/12/1994, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ A C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở hiện nay: 78 đường T, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: nguyên Kế toán Công ty TNHH T12; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc C và bà Phan Thị Thúy H2; có chồng là Phan Thịnh P và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/7/2021 đến nay, có mặt tại điểm cầu thành phần.

- *Người bào chữa cho các bị cáo* Nguyễn Thị Phương T *và* Nguyễn Thị Chi L*:* ông Nguyễn Văn H3, Luật sư Công ty TNHH H10, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; địa chỉ: Tầng B WTC T, số A H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt tại điểm cầu thành phần.

- *Bị hại:* Công ty TNHH T12; địa chỉ: Cụm C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: bà Lưu Phụng Linh T3, sinh năm 1980; nơi cư trú: 39/7/9 đường P, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1989; nơi cư trú: tổ dân phố F, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt tại điểm cầu thành phần.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: bà Trần Thị H4, Luật sư Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: D L, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt tại điểm cầu thành phần.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH T12 *(sau đây viết tắt là Công ty)*, được cấp giấy phép thành lập năm 2010, đăng ký kinh doanh nhiều ngành nghề, trong đó có hoạt động: thu mua gỗ keo nguyên liệu, sau đó băm thành dăm và bán cho các doanh nghiệp có nhu cầu; với vốn điều lệ: 40.500.000.000 đồng (bốn mươi tỷ năm trăm triệu đồng). Công ty có 03 thành viên góp vốn gồm: ông Thang Văn H5 (địa chỉ: số D L, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh); ông Lê Văn L1 (địa chỉ: số C Phú Thọ, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh); bà Lưu Phụng Linh T3 (địa chỉ: số C Phú Thọ, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh). Người đại diện theo pháp luật của Công ty – giám đốc là bà Lưu Phụng Linh T3. Ngoài ra, ông Thang Văn H5 và bà Lưu Phụng Linh T3 còn là cổ đông góp vốn thành lập Công ty TNHH G vào năm 2012, với ngành nghề đăng ký kinh doanh: sản xuất, chế biến, kinh doanh gỗ dăm nguyên liệu giấy xuất khẩu và nhiều ngành nghề kinh doanh khác.

* Về hoạt động quản lý và quy trình thu mua gỗ keo của Công ty:

Công ty thu mua gỗ keo nguyên liệu từ đại lý và khách hàng trực tiếp bán cho Công ty, sau đó băm thành dăm, xuất bán. Căn cứ theo lịch của khách hàng về việc mua dăm gỗ, Công ty sẽ tiến hành thu mua gỗ keo và bán dăm gỗ để lấy tiền, cùng với số tiền vay từ ngân hàng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, nguồn tiền trên sau đó được nộp về tài khoản của Công ty S2: 57310000356666 tại Ngân hàng B3 chi nhánh D2. Hàng tuần được sự ủy quyền của Giám đốc Công ty, thủ quỹ sẽ đi rút tiền mặt về từ 02 đến 03 lần rồi lưu giữ tiền mặt tại két sắt của Công ty, dựa trên số lượng mua gỗ của ca trước, hàng ngày thủ quỹ sẽ dự tính số tiền mua gỗ keo rồi giao tiền cho kế toán thanh toán, việc giao tiền cho từng ca từ 200 triệu đồng đến 01 tỷ đồng (giao tiền này không có ký nhận). Hàng ngày, kế toán thanh toán sẽ chi tiền mua gỗ keo cho các khách hàng (lái xe) vào bán keo và chi các khoản khác như: gạo, muối, cơ khí, vật tư.... Cuối ca trực, kế toán thanh toán tổng hợp số tiền đã nhận, số tiền đã chi, số còn tồn để bàn giao cho ca sau. Việc bàn giao này có ký trong sổ bàn giao ca.

- Quy trình thu mua gỗ keo của Công ty như sau:

Khi có xe chở gỗ keo đến bán đi qua cổng bảo vệ, nhân viên bảo vệ ghi lại biển số xe (trường hợp xe không có biển số như xe công nông thì bảo vệ ghi là công nông), tiếp theo xe chạy lên bàn cân. Tại đây, nhân viên kế toán trạm cân sẽ cân khối lượng tổng gồm trọng lượng xe và hàng hoá trên xe bằng phần mềm cân điện tử. Sau khi cân xong cho xe vào xưởng nạp liệu (Xưởng băm gỗ) để gắp gỗ keo vào xưởng và nhân viên nạp liệu ghi vào bảng tổng hợp số lượng xe nạp liệu, số lượng xe bán trong ngày (nếu có biển số xe thì ghi biển số xe, không có biển số thì ghi là công nông, không ghi khối lượng). Sau khi hoàn thành các thủ tục trên, xe quay lại bàn cân để cân khối lượng bì (xe không có hàng hóa) và tính ra khối lượng hàng hoá. Tại đây, kế toán trạm cân sẽ in phiếu cân gồm các mục như chủ hàng, địa chỉ, loại hàng, biển số xe, lái xe, giờ cân bì, giờ cân hàng, giờ in, khối lượng tổng, khối lượng bì, khối lượng hàng, người trực cân và đưa cho khách hàng (lái xe) ký xác nhận vào mục chủ hàng. Sau đó, kế toán cân đưa phiếu cân đã lập cho lái xe để đưa kế toán thanh toán lập phiếu chi điền các thông tin gồm: họ và tên người nhận tiền, địa chỉ, lý do chi, số tiền, viết bằng chữ, kèm theo; mục ký tên gồm: giám đốc, kế toán trưởng, thủ quỹ, người lập phiếu, người nhận tiền; rồi đưa lại phiếu chi cho khách hàng (lái xe) ký xác nhận vào mục người nhận tiền và thanh toán tiền mặt cho lái xe.

Nguyễn Thị Phương T, Nguyễn Thị Chi L, Phạm Thị Mỹ H1 là kế toán của Công ty. Trong thời gian làm việc tại Công ty, T, L và H1 đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

* Đối với Nguyễn Thị Phương T:

Nguyễn Thị Phương T làm việc tại Công ty từ ngày 01/12/2017 đến tháng 4/2020, được phân công làm kế toán trạm cân, trực tiếp cân xe bán gỗ keo, lập phiếu cân bằng phần mềm trên máy vi tính, rồi in phiếu cân để đưa phiếu cân cho khách hàng (lái xe) ký xác nhận vào mục chủ hàng.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ, trong một lần cân xe công nông và lập phiếu cân xe cho lái xe nhưng lái xe bỏ đi, Nguyễn Thị Phương T đã để phiếu cân xe trên bàn làm việc của mình thì Nguyễn Thị Chi L là kế toán thanh toán đã lấy và dựa vào thông tin trên phiếu cân xe lập ra phiếu chi tiền. Đến cuối ca làm việc không thấy lái xe đến ký nhận số tiền trên, chưa biết báo cáo với Công ty N2 thì T và L thống nhất cầm số tiền trên về nhà. T và L giữ số tiền trên từ 02 đến 03 ngày nhưng không thấy ai nói gì về việc thất thoát số tiền trên, nên T và L đã nảy sinh việc lập phiếu cân xe khống và phiếu chi tiền khống để chiếm đoạt tiền của Công ty.

Nguyễn Thị Phương T quan sát loại xe công nông không có biển kiểm soát và tương đối giống nhau, có màu đỏ hoặc màu xanh nên dễ làm khống phiếu cân mà không bị phát hiện. Thảo để ý phát hiện những xe công nông trong thời gian trước có bán gỗ keo cho Công ty, nhưng thời gian này không đi bán để lập khống phiếu cân. Cách thức lập khống phiếu cân xe được T thực hiện như sau: khi có 01 xe công nông vào bán gỗ keo (xe có thật), T bấm chốt số liệu trên phần mềm máy vi tính và cân đúng theo quy trình cho lái xe. Sau đó, T sửa giờ và thay tên lái xe của một người lái xe bất kỳ đã có trong phần mềm trước đó và bấm chốt số liệu một lần nữa (phiếu khống), khi thực hiện xong T bấm chuông cho xe đi vào chỗ đổ hàng, khi xe quay ra T cũng chốt số liệu cân bì (xe không có hàng hóa) và cân theo quy trình cho xe thực tế, tiếp theo T tiếp tục bấm chốt số liệu cân bì (xe không có hàng hóa) thêm một lần nữa để cân bì cho phiếu cân xe khống. Đối với phiếu cân xe có bán gỗ keo thật, T cho lái xe ký vào mục Chủ hàng, rồi đưa phiếu cho lái xe đưa kế toán thanh toán lập phiếu chi rồi cho lái xe ký vào mục người nhận tiền và chi trả tiền cho lái xe. Đối với phiếu cân xe khống thì Nguyễn Thị Phương T in ra, sau đó chuyển trực tiếp cho kế toán thanh toán của Công ty để làm phiếu chi tiền khống và chiếm đoạt số tiền tương ứng trên phiếu chi. Sau khi hết giờ làm việc, T cùng đồng phạm hẹn nhau trên đường về hoặc tại nhà riêng để chia số tiền đã chiếm đoạt được.

Với cách thức, thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 4/2018 đến tháng 12/2019, Nguyễn Thị Phương T đã lập khống 225 phiếu cân xe đề tên: Lê Văn S, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn H6, địa chỉ: B; Võ Thành C1, địa chỉ: B; Phạm Văn Đ, Nguyễn Đức V, địa chỉ: B; Phạm Quang T4, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đình C2, địa chỉ: B; Phạm Văn M, địa chỉ: B; Nguyễn Tấn H7, địa chỉ: B để đưa cho Nguyễn Thị Chi L lập khống 223 phiếu chi tiền (04 phiếu cân xe tên Nguyễn Văn H6 được L lập thành 02 phiếu chi tiền) để chiếm đoạt của Công ty 1.642.341.450 đồng (một tỷ, sáu trăm bốn mươi hai triệu, ba trăm bốn mươi mốt nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).

Đến ngày 16/12/2019, Nguyễn Thị Chi L nghỉ làm việc theo chế độ thai sản nên Công ty đã phân công cho Phạm Thị Mỹ H1 làm nhiệm vụ kế toán thanh toán thay cho L.

Trong quá trình làm việc, Nguyễn Thị Phương T đã bàn bạc với Phạm Thị Mỹ H1 về việc lập phiếu cân khống và phiếu chi khống để chiếm đoạt tiền của Công ty thì Phạm Thị Mỹ H1 đồng ý. Từ tháng 12/2019 đến tháng 4/2020,

Nguyễn Thị Phương T đã lập khống 76 phiếu cân xe đề tên: Trịnh Phú H8, Lê Văn S, Nguyễn Văn H6, Nguyễn Minh K địa chỉ: B; Nguyễn Đình C2, Nguyễn Văn N, địa chỉ: B; Võ Thành C1, địa chỉ: B; Phạm Văn Đ, địa chỉ: B; Phạm Văn M, địa chỉ: B; Trần Văn T5, địa chỉ: B. Sau đó, đưa cho Phạm Thị Mỹ H1 lập khống 74 phiếu chi (02 phiếu cân tên Phạm Văn Đ được H1 lập thành 01 phiếu chi; 02 phiếu cân tên Nguyễn Văn H6 được H1 lập thành 01 phiếu chi) theo tên đã có trong phiếu cân để chiếm đoạt tiền của Công ty 530.555.250 đồng (năm trăm ba mươi triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm năm mươi đồng).

Ngoài ra, trong quá trình làm việc chung ca trực với Đặng Thị T6, Nguyễn Thị Phương T đã lập 02 phiếu cân xe khống đề tên: Nguyễn Văn H6, địa chỉ: B; Nguyễn Văn N, địa chỉ: B và chiếm đoạt của Công ty số tiền 14.626.450 đồng (mười bốn triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Phương T chỉ thừa nhận cùng với Nguyễn Thị Chi L, Phạm Thị Mỹ H1 lập phiếu cân xe khống và phiếu chi khống để chiếm đoạt tiền của Công ty từ tháng 6/2019 đến tháng 4/2020. T khai đã lập rất nhiều phiếu cân xe khống để đưa cho L, H1 lập phiếu chi khống để chiếm đoạt tiền của Công ty nên không nhớ đã lập bao nhiêu phiếu và số tiền lấy được là bao nhiêu.

* Đối với Nguyễn Thị Chi L:

Nguyễn Thị Chi L làm việc tại Công ty từ ngày 07/9/2016 đến ngày 15/12/2019, được phân công nhiệm vụ là kế toán thanh toán, trực tiếp lập phiếu chi và chi trả tiền cho lái xe bán gỗ keo. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao Nguyễn Thị Chi L đã có hành vi lập khống phiếu chi tiền để chiếm đoạt tiền của Công ty.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Chi L không thừa nhận hành vi đã thực hiện, nhưng căn cứ vào tài liệu đã thu thập được có đủ cơ sở xác định: trong thời gian từ tháng 4/2018 đến ngày 15/12/2019, dựa vào thông tin phiếu cân xe khống do Nguyễn Thị Phương T lập chuyển qua, Nguyễn Thị Chi L đã lập khống 223 phiếu chi tiền đề tên: Lê Văn S, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn H6, địa chỉ: B; Võ Thành C1, địa chỉ: B; Phạm Văn Đ, Nguyễn Đức V, địa chỉ: B; Phạm Quang T4, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đình C2, địa chỉ B; Phạm Văn M, địa chỉ: B; Nguyễn Tấn H7, địa chỉ: B, để chiếm đoạt tiền của Công ty 1.642.341.450 đồng (một tỷ, sáu trăm bốn mươi hai triệu, ba trăm bốn mươi mốt nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).

* Đối với Phạm Thị Mỹ H1:

Phạm Thị Mỹ H1 làm việc tại Công ty từ ngày 16/12/2019 đến tháng 4/2020, thay cho Nguyễn Thị Chi L nghỉ thai sản và được phân công nhiệm vụ là kế toán thanh toán, trực tiếp lập phiếu chi trên phần mềm máy vi tính, sau đó in phiếu chi để đưa phiếu chi cho khách hàng (lái xe) ký xác nhận vào mục người nhận tiền. Quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, sau khi được Nguyễn

Thị Phương T bàn bạc về việc lập phiếu cân xe khống và phiếu chi khống để chiếm đoạt tiền của Công ty thì Phạm Thị Mỹ H1 thống nhất. Sau đó khi vào ca làm việc, Nguyễn Thị Phương T lập phiếu cân xe khống chuyển qua thì Phạm Thị Mỹ H1 căn cứ thông tin được ghi trên phiếu cân xe khống do T đưa để lập phiếu chi khống chiếm đoạt tiền của Công ty. Cụ thể: từ tháng 12/2019 đến tháng 4/2020, Nguyễn Thị Phương T đã lập khống 76 phiếu cân xe đề tên: Trịnh Phú H8, Lê Văn S, Nguyễn Văn H6, Nguyễn Minh K, địa chỉ: B; Nguyễn Đình C2, Nguyễn Văn N, địa chỉ: B; Võ Thành C1, địa chỉ: B; Phạm Văn Đ, địa chỉ: B; Phạm Văn M, địa chỉ: B; Trần Văn T5, địa chỉ: B, đưa cho Phạm Thị Mỹ H1 lập khống 74 phiếu chi (02 phiếu cân tên Phạm Văn Đ được H1 lập thành 01 phiếu chi; 02 phiếu cân tên Nguyễn Văn H6 được H1 lập thành 01 phiếu chi) để chiếm đoạt của Công ty 530.555.250 đồng. Quá trình điều tra, Phạm Thị Mỹ H1 có nhiều lời khai về số phiếu chi lập khống, số tiền chiếm đoạt: khi thừa nhận đã lập khống 13 phiếu chi chiếm đoạt số tiền 94.380.770 đồng; lúc khai nhận lập khống từ 03 đến 05 phiếu chi chiếm đoạt số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng; lúc khai nhận lập khống 07 phiếu chi chiếm đoạt số tiền 52.147.200 đồng. Số tiền chiếm đoạt được Phạm Thị Mỹ H1 khai nhận trực tiếp lấy tiền của Công ty bỏ vào túi xách cá nhân, khi hết ca làm việc trên đường đi về nhà tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, H1 chia đôi số tiền chiếm đoạt được cho Nguyễn Thị Phương T mỗi người một nửa.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác minh nhân thân, lai lịch của những lái xe có tên, địa chỉ được Nguyễn Thị Phương T ghi trên phiếu cân xe và Nguyễn Thị Chi L, Phạm Thị Mỹ H1 ghi trên phiếu chi tiền, kết quả:

+ Nguyễn Thị Phương T, Nguyễn Thị Chi L và Phạm Thị Mỹ H1 đã lập 102 phiếu cân xe và 101 phiếu chi tiền (02 phiếu cân tên Phạm Văn Đ được H1 lập thành 01 phiếu chi) đề tên Trịnh Phú H8, Lê Văn S, Nguyễn Đình C2, Võ Thành C1, Phạm Văn Đ, Nguyễn Đức V, Phạm Quang T4 với số tiền: 730.793.550 đồng. Qua xác minh, truy cập dữ liệu quản lý nhân khẩu tại địa phương các xã B, B, B, B của huyện B; từ năm 2018 đến tháng 12/2020 không có công dân nào có tên Trịnh Phú H8, Lê Văn S, Nguyễn Đình C2, Võ Thành C1, Phạm Văn Đ, Nguyễn Đức V, Phạm Quang T4 sinh sống tại địa phương.

+ Nguyễn Thị Phương T, Nguyễn Thị Chi L và Phạm Thị Mỹ H1 đã lập 201 phiếu cân xe và 198 phiếu chi tiền (04 phiếu cân tên Nguyễn Văn H6 được L lập thành 02 phiếu chi; 02 phiếu cân xe tên Nguyễn Văn H6 được H1 lập thành 01 phiếu chi) mang tên Phạm Văn M, Trần Văn T5, Nguyễn Tấn H7, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H6, Nguyễn Minh K với số tiền: 1.456.729.600 đồng. Kết quả làm việc, những người có tên trên khẳng định trong thời gian từ năm 2018 đến tháng 12/2020 không mua bán gỗ keo với Công ty, chữ ký ở mục "Chủ hàng" trên phiếu cân xe và chữ ký ở mục "Người nhận tiền" trên phiếu chi không phải là chữ ký của họ và trong thời gian trên những người này không nhận bất kỳ khoản tiền nào của Công ty.

Cơ quan điều tra tiến hành thu thập tài liệu về phiếu cân xe có hình ảnh xe công nông và vật dụng chuyên chở trên xe được lưu giữ tại phần mềm Trạm cân

của Công ty giai đoạn tháng 4/2018 đến tháng 4/2020. Tiến hành xác minh đối với chủ xe công nông có bán gỗ keo (phiếu thật) với phiếu cân xe do Nguyễn Thị Phương T lập khống (phiếu khống) về hình ảnh xe và vật dụng chuyên chở trên xe, kết quả:

+ Chủ xe công nông Nguyễn Văn S1 xác định: từ ngày 07/12/2018 đến ngày 13/01/2019, ông có dùng xe công nông của mình có đặc điểm là đầu xe màu cam, thùng xe màu xanh, trước đầu xe có gắn thêm đèn led chiếu sáng để đi bán gỗ keo cho Công ty và được kế toán lập phiếu cân xe, phiếu chi để chi trả tiền cho ông. Sau khi được Cơ quan Cảnh sát điều tra cho xem các phiếu cân xe có hình ảnh xe công nông đề tên Nguyễn Tấn H7 và Nguyễn Đức V, ông S1 xác nhận xe công nông này là của ông, nhưng thời gian từ ngày 07/12/2018 đến ngày 13/01/2019 ông chỉ sử dụng xe vận chuyển bán gỗ keo nói trên, ông S1 không cho người nào mượn hoặc thuê xe.

+ Chủ xe công nông Đỗ Bính xác định: từ ngày 08/03/2019 đến ngày 11/06/2019, ông có dùng xe công nông của mình có đặc điểm là đầu xe màu cam, thùng xe màu xanh rêu, trước đầu xe có quấn dây cáp sắt và sau thùng xe có đóng miếng ván gỗ để đi bán gỗ keo cho Công ty và được kế toán lập phiếu cân xe, phiếu chi để chi trả tiền cho ông. Sau khi Cơ quan Cảnh sát điều tra cho xem các phiếu cân xe có hình ảnh xe công nông đề tên Nguyễn Tấn H7 và Phạm Quang T4, ông B1 xác nhận xe công nông này là của ông, nhưng thời gian từ ngày 08/03/2019 đến ngày 11/06/2019 ông chỉ sử dụng xe vận chuyển bán gỗ keo nói trên, ông B1 không cho người nào mượn hoặc thuê xe.

+ Chủ xe công nông Phạm Tàu xác định: từ ngày 29/04/2018 đến ngày 01/04/2020, ông có dùng xe công nông của mình có đặc điểm là đầu xe màu cam, thùng xe màu xanh đen, hai bên trước đầu xe có gắn thêm hai kính chiếu hậu để đi bán gỗ keo cho Công ty và được kế toán lập phiếu cân xe, phiếu chi để chi trả tiền cho ông. Sau khi Cơ quan Cảnh sát điều tra cho xem các Phiếu cân xe có hình ảnh xe công nông đề tên Huỳnh Thanh D1, Nguyễn Tấn H7 và Võ Thành C1, ông T7 xác nhận xe công nông này là của ông, nhưng thời gian từ ngày 29/04/2018 đến ngày 01/04/2020 ông chỉ sử dụng xe vận chuyển bán gỗ keo nói trên, ông T7 không cho người nào mượn hoặc thuê xe.

+ Chủ xe công nông Tạ Đình B2 xác định: từ ngày 30/8/2018 đến ngày 31/8/2018, ông có dùng xe công nông của mình có đặc điểm là có dây xích sắt quấn phía trước cản đầu xe để đi bán gỗ keo cho Công ty và được kế toán lập phiếu cân xe, phiếu chi để chi trả tiền cho ông. Sau khi Cơ quan Cảnh sát điều tra cho xem các phiếu cân xe có hình ảnh xe công nông đề tên Huỳnh Thanh D1, ông B2 xác nhận xe công nông này là của ông, nhưng thời gian từ ngày 30/8/2018 đến ngày 31/8/2018 ông chỉ sử dụng xe vận chuyển bán gỗ keo nói trên, ông B2 không cho người nào mượn hoặc thuê xe.

+ Chủ xe công nông Phạm Quang T8 xác định: từ ngày 28/12/2018 đến ngày 15/03/2020, ông có dùng xe công nông của mình có đặc điểm là đầu xe màu cam, thùng xe màu xanh đen, trên thùng xe có gắn thêm tời kéo gỗ đi bán

gỗ keo cho Công ty và được kế toán lập phiếu cân xe, phiếu chi để chi trả tiền cho ông. Sau khi Cơ quan Cảnh sát điều tra cho xem các phiếu cân xe có hình ảnh xe công nông đề tên Nguyễn Đức V, Nguyễn Tấn H7, Phạm Văn Đ, ông T8 xác nhận xe công nông này là của ông, thời gian từ ngày 28/12/2018 đến ngày 15/03/2020 ông chỉ sử dụng xe vận chuyển bán gỗ keo nói trên, ông T8 không cho người nào mượn hoặc thuê xe.

+ Chủ xe công nông Nguyễn Thanh T9 xác định: từ ngày 12/02/2020 đến ngày 31/03/2020, ông có dùng xe công nông của mình có đặc điểm là đầu xe màu cam, thùng xe màu xanh nhớt, hai bên đầu xe có gắn thêm hai kính chiếu hậu để đi bán gỗ keo cho Công ty và được kế toán lập phiếu cân xe, phiếu chi để chi trả tiền cho ông. Sau khi Cơ quan Cảnh sát điều tra cho xem các phiếu cân xe có hình ảnh xe công nông đề tên Trần Văn T5, ông T9 xác nhận xe công nông này là của ông, nhưng thời gian từ ngày 12/02/2020 đến ngày 31/03/2020 ông chỉ sử dụng xe vận chuyển bán gỗ keo nói trên, không cho người nào mượn hoặc thuê xe.

+ Chủ xe công nông Trần Văn H9 xác định: từ ngày 06/05/2018 đến ngày 26/03/2020, ông có dùng xe công nông của mình có đặc điểm là đầu xe màu cam, thùng xe màu xanh nhớt, hai bên đầu xe có gắn thêm hai kính chiếu hậu và trên thùng xe có gắn thêm vỉ sắt cao để đi bán gỗ keo cho Công ty và được kế toán lập phiếu cân xe, phiếu chi để chi trả tiền cho ông. Sau khi Cơ quan Cảnh sát điều tra cho xem các phiếu cân xe có hình ảnh xe công nông đề tên Nguyễn Văn N, Phạm Văn M, ông H9 xác nhận xe công nông này là của ông, nhưng thời gian từ ngày 06/05/2018 đến ngày 26/03/2020 ông chỉ sử dụng xe vận chuyển bán gỗ keo nói trên, ông H9 không cho người nào mượn hoặc thuê xe.

+ Chủ xe công nông Huỳnh Thái xác định: từ ngày 31/7/2018 đến ngày 01/04/2020, ông có dùng xe công nông của mình có đặc điểm là đầu xe màu cam, thùng xe màu xanh đen, trên thùng xe có gắn thêm tời kéo gỗ để đi bán gỗ keo cho Công ty và được kế toán lập phiếu cân xe, phiếu chi để chi trả tiền cho ông. Sau khi Cơ quan Cảnh sát điều tra cho xem các Phiếu cân xe có hình ảnh xe công nông đề tên Huỳnh Thanh D1, Nguyễn Đức V, Nguyễn Tấn H7, Nguyễn Văn H6, ông T10 xác nhận xe công nông này là của ông, nhưng thời gian từ ngày 31/7/2018 đến ngày 01/04/2020 ông chỉ sử dụng xe vận chuyển bán gỗ keo nói trên, ông T10 không cho người nào mượn hoặc thuê xe.

+ Chủ xe công nông Huỳnh Tấn T11 xác định: từ ngày 22/7/2018 đến ngày 12/9/2018, ông có dùng xe công nông của mình có đặc điểm là đầu xe màu cam, thùng xe màu xanh đen, trên đầu xe có quấn dây cáp sắt và sau thùng xe có sơn màu vàng để đi bán gỗ keo cho Công ty và được kế toán lập phiếu cân xe, phiếu chi để chi trả tiền cho ông. Sau khi Cơ quan Cảnh sát điều tra cho xem các phiếu cân xe có hình ảnh xe công nông đề tên Huỳnh Thanh D1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Đức V, Nguyễn Tấn H7, ông T11 xác nhận xe công nông này là của ông, nhưng thời gian từ ngày 22/7/2018 đến ngày 12/9/2018 ông chỉ sử dụng xe vận chuyển bán gỗ keo nói trên, ông T11 không cho người nào mượn hoặc thuê xe.

+ Chủ xe công nông Huỳnh Tiên xác định: từ ngày 09/9/2019 đến ngày 02/3/2020, ông có dùng xe công nông của mình có đặc điểm là đầu xe màu cam, thùng xe màu xanh, trước đầu xe có lắp thêm 02 đèn led, bánh xe được thay bằng bánh đôi để đi bán gỗ keo cho Công ty và được kế toán lập phiếu cân xe, phiếu chi để chi trả tiền cho ông. Sau khi Cơ quan Cảnh sát điều tra cho xem các phiếu cân xe có hình ảnh xe công nông đề tên Lê Văn S, ông T3 xác nhận xe công nông này là của ông, nhưng thời gian từ ngày 09/9/2019 đến ngày 02/3/2020 ông chỉ sử dụng xe vận chuyển bán gỗ keo nói trên, ông T3 không cho người nào mượn hoặc thuê xe.

+ Chủ xe công nông Nguyễn Anh V1 xác định: từ ngày 07/11/2018 đến ngày 19/3/2019, ông có dùng xe công nông của mình có đặc điểm là đầu xe màu cam, thùng xe màu xanh, bánh xe được thay bằng bánh xe đôi để đi bán gỗ keo cho Công ty và được kế toán lập phiếu cân xe, phiếu chi để chi trả tiền cho ông. Sau khi Cơ quan Cảnh sát điều tra cho xem các phiếu cân xe có hình ảnh xe công nông đề tên Lê Văn S, ông V1 xác nhận xe công nông này là của ông, nhưng thời gian từ ngày 07/11/2018 đến ngày 19/3/2019 ông chỉ sử dụng xe vận chuyển bán gỗ keo nói trên, ông V1 không cho người nào mượn hoặc thuê xe.

- Kết quả xác minh tài khoản ngân hàng và giao dịch ngân hàng của Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Thị Chi L thể hiện:

+ Nguyễn Thị Phương T sử dụng tài khoản số 0271001034186 tại Ngân hàng V2; trong thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 4/2020, T đã nộp vào tài khoản trên với số tiền: 2.390.559.261đồng. Tiến hành làm việc về nguồn gốc số tiền đã nộp vào tài khoản, Nguyễn Thị Phương T thừa nhận đã lập khống chứng từ (phiếu cân xe) chiếm đoạt tiền của Công ty và nộp vào tài khoản trên, nhưng không nhớ là đã nộp bao nhiêu lần và bao nhiêu tiền.

+ Nguyễn Thị Chi L sử dụng tài khoản số 4500205200958 tại Ngân hàng N3 và tài khoản số 0271000967331 tại Ngân hàng V2; trong thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2019, L đã nộp vào 02 tài khoản trên với số tiền 970.400.000 đồng. Tiến hành làm việc về nguồn gốc số tiền đã nộp vào 02 tài khoản, Nguyễn Thị Chi L không giải thích được về nguồn gốc số tiền nhưng vẫn không thừa nhận hành vi phạm tội, sau đó khai báo được người chị gửi vào tài khoản của L số tiền khoảng 200.000.000 đồng.

* Về kết quả trưng cầu giám định:

- Tại Kết luận giám định số 216/KLGĐ-PC09 ngày 14/5/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận: trong ổ cứng HD BOX 3T, màu đen gửi giám định. Dữ liệu ghi âm, ghi hình, video trích xuất trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 5/2020, xác định: có 2.634 tập tin dữ liệu video trong khoảng thời gian 17/3/2020 đến ngày 11/5/2020 (dữ liệu được sao chép sang ổ cứng nhãn hiệu Toshiba, dung lượng 2TB).

Quá trình điều tra xác định tại các giờ cân hàng, cân bì được ghi trên các phiếu cân xe do Nguyễn Thị Phương T lập vào các ngày 18/3/2020 (03 phiếu);

24/3/2020 (02 phiếu) và ngày 01/4/2020 (02 phiếu) không có bất cứ xe công nông nào vào cân hàng (dữ liệu được ghi đè nên tự động xóa khi ổ cứng lưu trữ đầy).

Tại Kết luận giám định số 239/KLGĐ-PC09 ngày 15/3/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận: chữ ký, chữ viết ở mục "Thủ quỹ" và ở mục "Người lập phiếu" tại 13 (mười ba) "Phiếu chi" được trưng cầu giám định với chữ ký, chữ viết của Phạm Thị Mỹ H1 trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra. Chữ ký ở mục "Trực cân" tại 12 (mười hai) "Phiếu cân xe" được trưng cầu giám định với chữ ký của Nguyễn Thị Phương T trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

- Tại Kết luận giám định số 477/KLGĐ-PC09 ngày 05/6/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận: 12 "Phiếu chi" có chữ viết (Ký) dưới cột người nhận tiền ghi tên "Người nhận tiền" Nguyễn Văn H6 được trưng cầu giám định với chữ viết ghi tên người viết Phạm Thị Mỹ H1 trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết (Ký) ra; 04 "Phiếu chi" có chữ viết (Ký) dưới cột người nhận tiền ghi tên "Người nhận tiền" Nguyễn Văn N được trưng cầu giám định với chữ viết ghi tên người viết Phạm Thị Mỹ H1 trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết (Ký) ra; 03 "Phiếu chi" có chữ viết (Ký) dưới cột người nhận tiền ghi tên "Người nhận tiền" Nguyễn Đình C2 được trưng cầu giám định với chữ viết ghi tên người viết Phạm Thị Mỹ H1 trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết (Ký) ra, 01 "Phiếu chi" có chữ viết (Ký) dưới cột người nhận tiền ghi tên "Người nhận tiền" Phạm Văn M được trưng cầu giám định với chữ viết ghi tên người viết Phạm Thị Mỹ H1 trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết (Ký) ra.

- Tại Kết luận giám định số 724/KLGĐ-PC09 ngày 17/9/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận: 02 "Phiếu chi" có chữ viết (Ký) dưới cột người nhận tiền ghi tên "Người nhận tiền" Lê Văn S được trưng cầu giám định với chữ viết ghi tên người viết Nguyễn Thị Chi L trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết (Ký) ra; 02 "Phiếu chi" có chữ viết (Ký) dưới cột người nhận tiền ghi tên "Người nhận tiền" Võ Thành C1 được trưng cầu giám định với chữ viết ghi tên người viết Nguyễn Thị Chi L trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết (Ký) ra; 01 "Phiếu chi" có chữ viết (Ký) dưới cột người nhận tiền ghi tên "Người nhận tiền" Nguyễn Đình C2 được trưng cầu giám định với chữ viết ghi tên người viết Nguyễn Thị Chi L trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết (Ký) ra, 05 "Phiếu chi" có chữ viết (Ký) dưới cột người nhận tiền ghi tên "Người nhận tiền" Nguyễn Văn N được trưng cầu giám định với chữ viết ghi tên người viết Nguyễn Thị Chi L trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết (Ký) ra; 10 "Phiếu chi" có chữ viết (Ký) dưới cột người nhận tiền ghi tên "Người nhận tiền" Phạm Văn M được trưng cầu giám định với chữ viết ghi tên người viết Nguyễn Thị Chi L trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết (Ký) ra.

Nguyễn Thị Chi L khai nhận đã trực tiếp ký, viết vào mục người nhận tiền của những phiếu chi tiền trên nhưng là ký, viết dùm cho lái xe chứ không thừa nhận ký để chiếm đoạt tiền của Công ty.

- Tại Kết luận giám định số 768/KLGĐ-PC09 ngày 27/9/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận: chữ viết (Chữ ký) tại mục "Chủ hàng" trên 01 phiếu cân xe ghi tên chủ hàng "Trần Văn T5" được trưng cầu giám định với chữ viết của Nguyễn Thị Phương T trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết (Ký) ra; chữ viết (Chữ ký) tại mục "Chủ hàng" trên 09 phiếu cân xe ghi tên chủ hàng "Võ Thành C1" được trưng cầu giám định với chữ viết của Nguyễn Thị Phương T trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết (Ký) ra; chữ viết (Chữ ký) tại mục "Chủ hàng" trên 11 phiếu cân xe ghi tên chủ hàng "Nguyễn Đình C2" được trưng cầu giám định với chữ viết của Nguyễn Thị Phương T trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết (Ký) ra; chữ viết (Chữ ký) tại mục "Chủ hàng" trên 01 phiếu cân xe ghi tên chủ hàng "Nguyễn Đức V" được trưng cầu giám định với chữ viết của Nguyễn Thị Phương T trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết (Ký) ra; chữ viết (Chữ ký) tại mục "Chủ hàng" trên 08 phiếu cân xe ghi tên chủ hàng "Nguyễn Văn N" được trưng cầu giám định với chữ viết của Nguyễn Thị Phương T trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết (Ký) ra; chữ viết (Chữ ký) tại mục "Chủ hàng" trên 07 phiếu cân xe ghi tên chủ hàng "Phạm Văn M" được trưng cầu giám định với chữ viết của Nguyễn Thị Phương T trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết (Ký) ra; chữ viết (Chữ ký) tại mục "Chủ hàng" trên 28 phiếu cân xe ghi tên chủ hàng "Nguyễn Văn H6" được trưng cầu giám định với chữ viết của Nguyễn Thị Phương T trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết (Ký) ra.

Nguyễn Thị Phương T khai nhận đã trực tiếp viết, ký tên vào mục chủ hàng của các phiếu cân xe trên nhằm mục đích lập khống chứng từ đưa cho kế toán thanh toán lập phiếu chi tiền để chiếm đoạt tiền của Công ty nhưng do lập rất nhiều phiếu và nhiều lần khác nhau nên không nhớ cụ thể đã lập phiếu cân xe nào.

- Tại Kết luận giám định số 815/KLGĐ-PC09 ngày 24/12/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận: dữ liệu trong ổ cứng nhãn hiệu Toshiba, số S: 402KVMVMS LIF, dung lượng 1TB, gắn bên trong CPU màu đen, nhãn hiệu DELL, có 122 File phiếu cân xe khống có đặc điểm phương tiện, vật dụng chuyên chở hoàn toàn giống nhau (tương ứng) với 122 phiếu cân xe thật.

Kết quả giám định trên phù hợp với lời khai của Nguyễn Thị Phương T, kế toán trạm cân dùng 01 xe công nông để cân cho 01 lần phiếu cân thật và tiếp tục cân 01 lần cho phiếu cân khống, phù hợp với kết quả xác minh đối với chủ xe công nông có bán gỗ keo cho Công ty (phiếu thật).

- Tại Kết luận giám định số 513/KL-KTHS ngày 27/6/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận:

+ Chữ viết, chữ ký ở mục "Người nhận tiền" trên 163 phiếu chi với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Phương T không đủ yếu tố giám định.

+ Chữ viết, chữ ký ở mục "Người nhận tiền" trên 08 phiếu chi với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Văn D không phải do cùng một người viết, ký ra.

+ Chữ viết, chữ ký ở mục "Người nhận tiền" trên 15 phiếu chi với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Văn N không phải do cùng một người viết, ký ra.

+ Chữ viết, chữ ký ở mục "Người nhận tiền" trên 22 phiếu chi với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Tấn H7 không phải do cùng một người viết, ký ra. Chữ viết, chữ ký ở mục "Người nhận tiền" trên 02 phiếu chi với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Tấn H7 không đủ yếu tố giám định.

+ Chữ viết, chữ ký ở mục "Người nhận tiền" trên 01 phiếu chi với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Văn H6 không phải do cùng một người viết, ký ra. Chữ viết, chữ ký ở mục "Người nhận tiền" trên 34 phiếu chi với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Văn H6 không đủ yếu tố giám định.

+ Chữ viết, chữ ký ở mục "Người nhận tiền" trên 31 phiếu chi với chữ viết, chữ ký của Phạm Văn M không phải do cùng một người viết, ký ra.

- Tại Kết luận giám định số 514/KL-KTHS ngày 30/6/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận:

+ Chữ viết, chữ ký ở mục "Trực cân" trên 223 phiếu cân với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Phương T là khác dạng, nên không giám định truy nguyên đồng nhất được.

+ Chữ viết, chữ ký ở mục "Chủ hàng" trên 09 phiếu cân với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Chi L là khác dạng, nên không giám định truy nguyên đồng nhất được. Chữ viết, chữ ký ở mục "Chủ hàng" trên 07 phiếu cân với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Chi L là không đủ yếu tố giám định. Chữ viết, chữ ký ở mục "Chủ hàng" trên 185 phiếu cân với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Chi L là không phải do cùng một người viết, ký ra.

+ Chữ viết, chữ ký ở mục "Chủ hàng" trên 08 phiếu cân với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Văn D là không phải do cùng một người viết, ký ra.

+ Chữ viết, chữ ký ở mục "Chủ hàng" trên 23 phiếu cân với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Văn N là không phải do cùng một người viết, ký ra.

+ Chữ viết, chữ ký ở mục "Chủ hàng" trên 31 phiếu cân với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Tấn H7 là không phải do cùng một người viết, ký ra.

+ Chữ viết, chữ ký ở mục "Chủ hàng" trên 28 phiếu cân với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Văn H6 là không phải do cùng một người viết, ký ra.

+ Chữ viết, chữ ký ở mục "Chủ hàng" trên 42 phiếu cân với chữ viết, chữ ký của Phạm Văn M là không phải do cùng một người viết, ký ra.

- Tại Kết luận giám định số 705/KL-KTHS ngày 31/7/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận:

+ Chữ viết, chữ ký ở mục "Trực cân" tại 02 phiếu cân xe tên Trịnh Phú H8 với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Phương T là do cùng một người viết, ký ra.

+ Chữ viết, chữ ký ở mục "Trực cân" tại 03 phiếu cân xe tên Phạm Quang T4 với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Phương T là do cùng một người viết, ký ra. Chữ viết, chữ ký ở mục "Trực cân" tại 01 phiếu cân xe tên Phạm Quang T4 với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Phương T là không đủ yếu tố giám định.

+ Chữ viết, chữ ký ở mục "Trực cân" tại 03 phiếu cân xe tên Lê Văn S với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Phương T là do cùng một người viết, ký ra. Chữ viết, chữ ký ở mục "Trực cân" tại 04 phiếu cân xe tên Lê Văn S với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Phương T là không đủ yếu tố giám định.

+ Chữ viết, chữ ký ở mục "Trực cân" tại 05 phiếu cân xe tên Trần Văn T5 với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Phương T là do cùng một người viết, ký ra. Chữ viết, chữ ký ở mục "Trực cân" tại 01 phiếu cân xe tên Trần Văn T5 với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Phương T là không đủ yếu tố giám định.

+ Chữ viết, chữ ký ở mục "Trực cân" tại 05 phiếu cân xe tên Nguyễn Văn D với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Phương T là do cùng một người viết, ký ra. Chữ viết, chữ ký ở mục "Trực cân" tại 03 phiếu cân xe tên Nguyễn Văn D với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Phương T là không đủ yếu tố giám định.

+ Chữ viết, chữ ký ở mục "Trực cân" tại 06 phiếu cân xe tên Nguyễn Đình C2 với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Phương T là do cùng một người viết, ký ra. Chữ viết, chữ ký ở mục "Trực cân" tại 02 phiếu cân xe tên Nguyễn Đình C2 với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Phương T là không đủ yếu tố giám định.

+ Chữ viết, chữ ký ở mục "Trực cân" tại 14 phiếu cân xe tên Nguyễn Đức V với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Phương T là do cùng một người viết, ký ra. Chữ viết, chữ ký ở mục "Trực cân" tại 11 phiếu cân xe tên Nguyễn Đức V với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Phương T là không đủ yếu tố giám định.

+ Chữ viết, chữ ký ở mục "Trực cân" tại 19 phiếu cân xe tên Phạm Văn Đ với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Phương T là do cùng một người viết, ký ra. Chữ viết, chữ ký ở mục "Trực cân" tại 07 phiếu cân xe tên Phạm Văn Đ với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Phương T là không đủ yếu tố giám định.

+ Chữ viết, chữ ký ở mục "Trực cân" tại 17 phiếu cân xe tên Nguyễn Văn N với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Phương T là do cùng một người viết, ký ra. Chữ viết, chữ ký ở mục "Trực cân" tại 06 phiếu cân xe tên Nguyễn Văn N với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Phương T là không đủ yếu tố giám định.

+ Chữ viết, chữ ký ở mục "Trực cân" tại 16 phiếu cân xe tên Nguyễn Tấn H7 với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Phương T là do cùng một người viết, ký ra. Chữ viết, chữ ký ở mục "Trực cân" tại 14 phiếu cân xe tên Nguyễn Tấn H7 với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Phương T là không đủ yếu tố giám định.

+ Chữ viết, chữ ký ở mục "Trực cân" tại 24 phiếu cân xe tên Phạm Văn M với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Phương T là do cùng một người viết, ký ra. Chữ viết, chữ ký ở mục "Trực cân" tại 18 phiếu cân xe tên Phạm Văn M với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Phương T là không đủ yếu tố giám định.

+ Chữ viết, chữ ký ở mục "Trực cân" tại 24 phiếu cân xe tên Nguyễn Văn H6 với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Phương T là do cùng một người viết, ký ra. Chữ viết, chữ ký ở mục "Trực cân" tại 14 phiếu cân xe tên Nguyễn Văn H6 với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Phương T là không đủ yếu tố giám định.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 16/11/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Phương T, Phạm Thị Mỹ H1, Nguyễn Thị Chi L phạm tội *"Tham ô tài sản"*

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; các điểm b, s, n khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương T **17 (mười bảy)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; các điểm b, n khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Chi L **16 (mười sáu)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 353; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Mỹ H1 **03 (ba) năm tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 27/7/2021).

2. Về phần dân sự: buộc các bị cáo phải trả lại cho Công ty TNHH T12 số tiền cụ thể như sau: bị cáo Nguyễn Thị Phương T phải trả 694.841.475 đồng, bị cáo đã trả 47.000.000 đồng, nên bị cáo còn phải tiếp tục trả số tiền 647.841.475 đồng; bị cáo Phạm Thị Mỹ H1 phải trả 187.402.125 đồng, bị cáo đã trả 159.000.000 đồng, nên bị cáo còn phải tiếp tục trả số tiền 28.402.125 đồng; bị cáo Nguyễn Thị Chi L phải trả số tiền 492.812.900 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 29/11/2023:

+ Bị cáo Nguyễn Thị Phương T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền bị cáo chiếm đoạt.

+ Bị cáo Nguyễn Thị Chi L kháng cáo nội dung: bị cáo thừa nhận hành vi tham ô tài sản của Công ty TNHH T12, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền bị cáo chiếm đoạt, bị cáo không lập khống 136 phiếu cân tương ứng với 134 phiếu chi để chiếm đoạt của Công ty số tiền 985.625.800 đồng.

- Ngày 30/11/2023, bị hại Công ty TNHH T12 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, tuyên các bị cáo Nguyễn Thị Phương T, Nguyễn Thị Chi L, Phạm Thị Mỹ H1 đã lập khống 303 phiếu cân xe và 299 phiếu chi tiền để chiếm đoạt của Công ty số tiền 2.187.523.150 đồng. Buộc các bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty số tiền đã chiếm đoạt, bị cáo T phải trả 1.101.074.800 đồng, bị cáo L phải trả 821.170.725 đồng và bị cáo H1 phải trả 265.277.625 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Nguyễn Thị Phương T, Nguyễn Thị Chi L giữ nguyên nội dung kháng cáo và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại Công ty TNHH T12 rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo T và L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại số lượng phiếu cân và số lượng tiền mà Tòa án cấp sơ thẩm quy kết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Phương T; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Chi L, giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Đối với bị hại Công ty TNHH T12 rút toàn bộ kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29 và 30/11/2023, các bị cáo Nguyễn Thị Phương T, Nguyễn Thị Chi L kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền chiếm đoạt và xin giảm nhẹ hình phạt; bị hại Công ty TNHH T12 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, tuyên các bị cáo Nguyễn Thị Phương T, Nguyễn Thị Chi L, Phạm Thị Mỹ H1 đã lập khống 303 phiếu cân xe và 299 phiếu chi tiền để chiếm đoạt của Công ty số tiền 2.187.523.150 đồng. Đơn kháng cáo của bị cáo, bị hại trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Công ty TNHH T12 rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Xét việc rút kháng cáo của bị hại hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị hại.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo:

[2.1]. Về tội danh và điều khoản luật áp dụng:

Các bị cáo Nguyễn Thị Phương T, Nguyễn Thị Chi L, Phạm Thị Mỹ H1 là nhân viên kế toán của Công ty TNHH T12 (sau đây viết tắt là Công ty), tuy không ký kết hợp đồng lao động, nhưng được giao nhiệm vụ, công việc thông qua Biên bản nhận việc hoặc bằng miệng; các bị cáo được nhận lương và hưởng các chế độ khác theo quy định; khi thực hiện nhiệm vụ các bị cáo có quyền hạn. Theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng và hướng dẫn tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các bị cáo là người có chức vụ, quyền hạn. Các bị cáo Nguyễn Thị Chi L, Phạm Thị Mỹ H1 là người có trách nhiệm quản lý tiền khi được thủ quỹ Công ty giao để chi trả cho khách hàng nhưng đã đồng phạm với bị cáo Nguyễn Thị Phương T là kế toán trạm cân của Công ty lập khống phiếu cân xe, phiếu chi tiền để chiếm đoạt tiền của Công ty mà các bị cáo có trách nhiệm quản lý để chi trả cho khách hàng.

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2018 đến tháng 4/2020, bị cáo Nguyễn Thị Phương T cùng bị cáo Nguyễn Thị Chi L hoặc bị cáo Phạm Thị Mỹ H1 lập khống các phiếu cân xe, phiếu chi tiền để chiếm đoạt tiền của Công ty rồi chia nhau mỗi người một nửa số tiền chiếm đoạt được.

Về xác định số lượng phiếu cân và phiếu chi các bị cáo đã lập khống theo kết quả giám định chữ ký:

Theo quy định của Công ty, đối với các phiếu cân sau khi lập xong, bị cáo T phải đưa cho khách hàng ký vào mục "Chủ hàng", rồi đưa phiếu cân cho khách hàng đem đến đưa cho kế toán thanh toán để lập phiếu chi, khách hàng là người ký vào mục "Người nhận tiền" và nhận tiền hàng. Do đó, đối với các phiếu cân, phiếu chi theo kết luận giám định xác định được chữ ký, chữ viết tại mục "Chủ hàng" trên phiếu cân và mục "Người nhận tiền" trên phiếu chi là chữ ký, chữ viết của các bị cáo Nguyễn Thị Phương T, Nguyễn Thị Chi L, Phạm Thị Mỹ H1, thì đây là các phiếu cân, phiếu chi do các bị cáo lập khống. Cụ thể có 82 phiếu cân tương ứng 81 phiếu chi khống.

Việc xác định số phiếu cân lập khống dựa trên hình ảnh: Nguyễn Thị Phương T khai phương thức lập phiếu cân khống bằng cách khi có 01 xe công nông vào bán gỗ keo (xe có thật), bị cáo bấm chốt số liệu trên phần mềm máy vi tính và cân đúng theo quy trình cho khách hàng. Sau đó, bị cáo sửa giờ và thay tên khách hàng bằng tên của một người khác bất kỳ đã được lưu trong phần

mềm trên máy tính trước đó và bấm chốt số liệu thêm một lần nữa, khi thực hiện xong bị cáo cho xe đi vào chỗ đổ hàng, khi xe quay ra bị cáo chốt số liệu cân bì (xe không có hàng) và cân theo quy trình cho xe thực tế. Sau đó, bị cáo tiếp tục bấm chốt số liệu cân bì (xe không có hàng) thêm một lần nữa cho phiếu cân khống. Nên các phiếu cân khống được xác định là các phiếu cân có kèm hình ảnh chụp phương tiện, vật dụng chuyên chở được giám định có đặc điểm giống (tương ứng) với hình ảnh chụp phương tiện, vật dụng chuyên chở của các phiếu cân thật. Đồng thời, các phiếu chi được tạo lập dựa trên các phiếu cân khống này cũng là các phiếu chi khống. Kết quả xác định có 106 phiếu cân tương ứng 105 phiếu chi khống.

Đối với các phiếu cân, phiếu chi ghi tên Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn H6, Nguyễn Minh K: 03 người này đều khai có quan hệ mua bán gỗ với Công ty. Vì vậy, đối với các phiếu cân, phiếu chi ghi tên 03 người này, những phiếu cân, phiếu chi nào 03 người này thừa nhận do họ ký hoặc giám định được là do họ ký thì là những phiếu cân thật. Đối với những phiếu cân, phiếu chi họ không thừa nhận đã ký hoặc giám định được không phải chữ ký của họ thì do các bị cáo lập khống và các bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với các phiếu cân, phiếu chi lập khống này. Cụ thể có 77 phiếu cân tương ứng 74 phiếu chi khống.

Như vậy, các bị cáo đã lập khống 190 phiếu cân tương ứng với 187 phiếu chi để chiếm đoạt của bị hại 1.360.430.050 đồng. Trong đó, bị cáo Nguyễn Thị Phương T cùng với bị cáo Nguyễn Thị Chi L lập khống 136 phiếu cân và 134 phiếu chi, chiếm đoạt của Công ty số tiền 985.625.800 đồng. Nguyễn Thị Phương T cùng với Phạm Thị Mỹ H1 lập khống 54 phiếu cân và 53 phiếu chi, chiếm đoạt của Công ty số tiền 374.804.250 đồng. Riêng bị cáo Nguyễn Thị Phương T tự lập khống thêm 02 phiếu cân ghi tên Nguyễn Văn H6, Nguyễn Văn N trong ca làm việc chung với Đặng Thị T6 để chiếm đoạt số tiền 14.626.450 đồng. Tổng số tiền các bị cáo chiếm đoạt của Công ty là 1.375.056.500 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án Nguyễn Thị Phương T về tội *"Tham ô tài sản"* theo điểm a khoản 4 Điều 353 của Bộ luật Hình sự với tình tiết tăng nặng định khung "*Chiếm đoạt tài sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên"*; Nguyễn Thị Linh C3 về tội *"Tham ô tài sản"* theo điểm a khoản 3 Điều 353 của Bộ luật Hình sự với tình tiết tăng nặng định khung *"Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng"*, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, không những xâm phạm đến hoạt động kinh doanh đúng đắn của Công ty T12, các bị cáo còn trực tiếp chiếm đoạt tài sản của Công ty. Trong đó, bị cáo T là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện việc lập khống phiếu cân, đồng phạm với các bị cáo khác chiếm đoạt của Công ty tổng số tiền 1.360.430.050 đồng, riêng bị cáo chiếm đoạt 694.841.475 đồng; bị cáo Nguyễn Thị Chi L là người có trách nhiệm quản

lý tiền khi được thủ quỹ Công ty giao để chi trả cho khách hàng nhưng đã đồng phạm với bị cáo Nguyễn Thị Phương T là kế toán trạm cân của Công ty lập khống phiếu cân xe, phiếu chi tiền để chiếm đoạt 492.812.900 đồng; các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cần thiết phải có mức hình phạt thật nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thời gian dài mới đảm bảo được tính răn đe, cải tạo, giáo dục cũng như công tác phòng ngừa chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyễn Thị Phương T đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đã nộp 47.000.000 đồng nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; tại thời điểm phạm tội và trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo Nguyễn Thị Phương T, Nguyễn Thị Chi L là phụ nữ có thai nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51của Bộ luật Hình sự.

Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương T 17 năm tù, bị cáo Nguyễn Thị Chi L 16 năm tù về tội *"Tham ô tài sản"* là tương xứng.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo T nộp thêm 55 triệu đồng khắc phục hậu quả. Ngoài tình tiết này, bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ chồng vừa mới ly hôn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới nên được xem xét.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Chi L, tại giai đoạn phúc thẩm L đã thừa nhận hành vi phạm tội, nhận thức được hành vi của mình là sai trái, đồng thời khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo tội "Tham ô tài sản" là đúng. Bị cáo chiếm đoạt của bị hại số tiền lớn nhưng sau khi xét xử sơ thẩm, đã khắc phục được 105 triệu đồng. Ngoài ra, L cung cấp tài liệu thể hiện có bà ngoại là người có công với N1, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân mới sinh con được 01 tháng. Ngoại trừ tình tiết "người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng (khi L chưa khắc phục hậu quả) thì các tình tiết còn lại đều là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, xét thấy cần xem xét, chấp nhận kháng cáo, giảm thêm cho cả 02 bị cáo một phần hình phạt để thể hiện sự khoan hồng, nhân văn của pháp luật đối với những người biết nhận ra sai lầm, cố gắng khắc phục, sửa chữa.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị hại Công ty TNHH T12 rút kháng cáo nên cũng không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 342; điểm đ khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị hại Công ty TNHH T12. Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 16/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Phạm Thị Mỹ H1 có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Thị Chi L; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 16/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; các điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương T **16 (mười sáu)** năm tù về tội "Tham ô tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; các điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Chi L **14 (mười bốn)** năm **06 (sáu)** tháng tù về tội "Tham ô tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

3. Về phần trách nhiệm dân sự: buộc các bị cáo phải trả lại cho Công ty TNHH T12 số tiền cụ thể như sau: bị cáo Nguyễn Thị Phương T phải trả 694.841.475 đồng, bị cáo đã trả 47.000.000 đồng, nên bị cáo còn phải tiếp tục trả số tiền 647.841.475 đồng; bị cáo Nguyễn Thị Chi L phải trả số tiền 492.812.900 đồng.

Đối với số tiền 55.000.000 đồng của bị cáo T; 105.000.000 đồng của bị cáo L đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi để trả lại cho Công ty TNHH T12 tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm được xem xét khấu trừ trong giai đoạn thi hành án.

4. Về án phí phúc thẩm: căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng các điểm g, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thị Phương T, Nguyễn Thị Chi L, bị hại Công ty TNHH T12 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao – Vụ GĐKT I;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại Tạm giam thuộc CA tỉnh Quảng Ngãi (02 bản để lưu hồ sơ và giao cho bị cáo Hạnh);
- Những người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Chí Công